

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 193/2024/DS-PT
Ngày 08-4-2024
V/v tranh chấp tài sản chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thanh Tuyền.

Các Thẩm phán: Ông Lê Sỹ Trứ;
Bà Ngô Thị Bích Diệp.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hùng Cường - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Phước – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 635/2023/TLPT-DS ngày 26 tháng 12 năm 2023 về việc “Tranh chấp tài sản chung”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 162/2023/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 47/2024/QĐ-PT, ngày 15 tháng 02 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 122/2024/QĐ-PT ngày 29 tháng 02 năm 2024 và Thông báo mở lại phiên tòa số 25/TB-TA ngày 25 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1963; địa chỉ: số E đường Đ, khu phố B, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Việt H, sinh năm 1977; địa chỉ: số nhà E Đại lộ B, tổ B, khu phố A, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền ngày 24/11/2021); có mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1958; địa chỉ: số E đường Đ, khu phố B, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Lê Thế A, sinh năm 1976; địa chỉ: số G đường N, khu dân cư P, tổ C, khu phố G, phường P, thành phố T, tỉnh

Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 23/02/2022); có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà **Nguyễn Thị K**, sinh năm 1947; địa chỉ: **số nhà D, khu D, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương**; có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Ông **Nguyễn Văn D**, sinh năm 1953; địa chỉ: **số nhà B, ấp C, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương**; có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1960; địa chỉ: **số nhà E, ấp H, xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre**; có đơn xin xét xử vắng mặt.

4. Bà **Nguyễn Thị B**, sinh năm 1968; địa chỉ: **số nhà A, khu A, phường Đ, thành phố T, tỉnh Bình Dương**; có đơn xin xét xử vắng mặt.

5. Bà **Nguyễn Thị Ngọc Q**, sinh năm 1975; địa chỉ: **số nhà C, khu G, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương**; có đơn xin xét xử vắng mặt.

6. Bà **Lâm Thị V**, sinh năm 1960; có đơn xin xét xử vắng mặt.

7. Ông **Nguyễn Minh T1**, sinh năm 1985; có đơn xin xét xử vắng mặt.

8. Ông **Nguyễn Thanh T2**, sinh năm 1990; có đơn xin xét xử vắng mặt.

9. Bà **Lê Thị Thu T3**, sinh năm 1984; có đơn xin xét xử vắng mặt.

10. Bà **Phan Thị Ngọc A**, sinh năm 1987; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Cùng địa chỉ: **số E đường Đ, khu phố B, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương**.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông **Nguyễn Phương L1**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. *Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình tố tụng, tại phiên tòa nguyên đơn bà **Nguyễn Thị P** trình bày:*

Bà **P** đang quản lý và sử dụng căn nhà cấp 4 diện tích hơn 40m² trong phần đất diện tích 1.408,5m² thuộc thửa 97, tờ bản đồ số 13, tọa lạc tại **đường Đ, khu B, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương** và được cấp số nhà **số E** (sau đây gọi tắt là nhà **số E**).

Ông **Nguyễn Văn L** là anh trai của bà **P**. Ông **L** hiện đang quản lý và sử dụng căn nhà cấp 04, diện tích 138,8m² trong phần đất diện tích 1.408,5m² thuộc thửa 97, tờ bản đồ số 13, tọa lạc tại **đường Đ, khu B, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương**. Ông **L** được cấp số nhà **số E** (sau đây gọi tắt là nhà **số E**).

Nguồn gốc nhà đất: Nhà **số E** do bà **P** tự xây dựng từ năm 1995. Nhà số 51 do ông **L** sửa chữa lại nhà cũ của cha mẹ năm 1995. Cha mẹ của bà **P** và ông **L** là bà **Nguyễn Thị M** (chết năm 1978) và ông **Nguyễn Văn P1** (chết năm 1982). Nguồn gốc đất là do mẹ bà **P** được ông bà ngoại (cụ **Nguyễn Văn T4** và cụ **Trần Thị Đ** cho). Bà **P** và ông **L** sinh ra và lớn lên tại phần đất này. Toàn bộ phần đất

mà bà P và ông L đang quản lý sử dụng bị ông Nguyễn Văn H1 kê khai và đã được Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) Thủ Dầu Một cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00993 QSDĐ/PM ngày 04/4/2000 cho hộ ông Nguyễn Văn H1. Việc ông H1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà P và ông L hoàn toàn không hay biết.

Vào năm 2013, ông L đã khởi kiện hộ ông H1 để yêu cầu trả lại phần đất đo đạc thực tế có diện tích là 1.185,6m² và khoản tiền bồi thường 451.218.800 đồng khi Nhà nước mở rộng đường Đồng C (thuộc thửa 97, tờ bản đồ số 13). Trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, ông L đã trình bày và xác định rõ như sau: Nguồn gốc đất tranh chấp là của bà Nguyễn Thị M (mẹ bà P và ông L) được cha mẹ của bà M cho. Từ khi được sinh ra, ông L đã sống trên phần đất này với cha mẹ. Năm 1978, bà M chết, cha ông Lung tiếp tục ở trên phần đất này đến năm 1982 thì cha ông Lung chết. Sau đó, anh em của ông L là Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị P và ông Nguyễn Văn P2 tiếp tục sinh sống trên phần đất đang có tranh chấp. Đến năm 1990, ông P2 chết, ông D và bà P tiếp tục sinh sống trên phần đất này. Đến năm 1995, do căn nhà của cha mẹ ông L bị hư hỏng cần sửa chữa, xây dựng lại để ở, thờ cúng cha mẹ nhưng ông D không xây dựng mà về bên vợ sinh sống. Còn bà P không có tiền nên ông L đã bỏ tiền ra xây dựng lại. Sau khi xây dựng xong, bà P có xây dựng thêm 01 căn nhà sát vách tường nhà ông L để ở cho đến nay. Đối với căn nhà của bà P xây dựng trên đất tranh chấp, ông L sẽ tự giải quyết sau với bà P (trang 11, Bản án số 61/2018/DS-ST ngày 13/7/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một).

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 53/2019/DS-PT ngày 05/4/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đã tuyên xử: Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 61/2018/DS-ST ngày 13/7/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương như sau:

“6.2. Chấp nhận yêu cầu kiện của ông Nguyễn Văn L về việc tranh chấp quyền sử dụng đất đối với những người thừa kế của ông Nguyễn Văn H1.

+ Công nhận cho ông L được quyền quản lý sử dụng phần đất có diện tích 1.185,6m² tại khu B, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, đất thuộc thửa 97, tờ bản đồ số 13, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00993 QSDĐ/PM do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) Thủ Dầu Một cấp ngày 04/4/2000 cho hộ ông Nguyễn Văn H1, đất có tứ cận: Phía Đông giáp phần đất còn lại do bà Nguyễn Thị T5, ông Nguyễn Hoàng T6, ông Nguyễn Hoàng Trung T7 và ông Nguyễn Hoàng Trung T8 đang quản lý sử dụng; phía Tây giáp đất của ông Nguyễn Văn Đ1; phía Nam giáp đường Đ; phía Bắc giáp đất ông Nguyễn Hữu N (Khu A sơ đồ kèm theo).

Ông Nguyễn Văn L có trách nhiệm liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để được đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất này.

+ Ông Nguyễn Văn L được quyền sở hữu đối với số tiền bồi thường là 451.218.000 đồng tại Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố T.”

Tuy nhiên, sau khi có bản án có hiệu lực pháp luật thì ông L không thỏa thuận với bà P. Ông L đã nhận số tiền 451.218.000 đồng và sử dụng riêng, không chia cho bà P. Đối với quyền sử dụng đất thì lập thủ tục đo vẽ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tuyên bố khi ông L nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì đuổi bà P ra khỏi nhà. Nhận thấy, đối với phần đất trên, bà P và ông L đều sinh ra và lớn lên trên phần đất này, đều có quá trình quản lý sử dụng như nhau. Bà P có nhà riêng số 53, ông L có nhà (thực chất là nhà của cha mẹ, ông L chỉ sửa chữa, tôn tạo lại) là nhà số E. Mỗi người được cấp sổ hộ khẩu riêng, quyền lợi là như nhau. Ngay tại sơ đồ của bản án khi giải quyết tranh chấp cũng đã thể hiện rõ nhà số E là của bà P. Mặt khác, trước khi khởi kiện tranh chấp với hộ ông H1 thì ông L đã thỏa thuận miệng với bà P hứa giải quyết thỏa đáng phần đất trên cho bà P sau khi được thắng kiện và đó chính là lý do bà P đề nghị giải quyết vắng mặt, không có ý kiến về việc giải quyết vụ án trên.

Chứng cứ chứng minh điều này chính là sự thừa nhận của ông L như bản án đã đề cập: "Đối với căn nhà của bà P xây dựng trên đất tranh chấp, ông L sẽ tự giải quyết sau với bà P". Thế nhưng nay được thắng kiện thì ông L lật lọng đòi đuổi bà P ra khỏi nhà của bà P.

Ngày 24/11/2021, bà P đã nộp đơn yêu cầu Ủy ban nhân dân phường P hòa giải việc tranh chấp đất đai giữa bà P và ông L theo quy định (Biên nhận đơn số 06/BN-UBND ngày 24/11/2021 của Ủy ban nhân dân phường P). Tuy nhiên, Ủy ban nhân dân phường P cho rằng việc tranh chấp quyền sử dụng đất giữa bà P và ông L là không có cơ sở để hòa giải. Đồng thời, ban hành văn bản từ chối thụ lý đơn hòa giải (Văn bản số 442/UBND-HC ngày 21/12/2021 của phường P). Vì vậy, bà P khởi kiện ông L để yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

1. Buộc ông L chia cho bà P phần đất diện tích: 592m² gắn liền với căn nhà mang số 53 cho bà P (là 1/2 phần đất diện tích 1.185,6m²) thuộc thửa 97, tờ bản đồ số 13; nhà, đất tọa lạc tại đường Đ, khu B, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương theo bản án đã có hiệu lực pháp luật.

2. Buộc ông L chia lại cho bà P số tiền 225.609.400 đồng là 1/2 số tiền 451.218.800 đồng bồi thường khi mở rộng đường Đ mà ông L đã nhận tại Trung tâm Phát triển quỹ đất Thành phố T.

2. Tại Văn bản trình bày ý kiến ngày 07 tháng 7 năm 2023, bị đơn ông Nguyễn Văn L do ông Lê Văn M1 đại diện trình bày:

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 61/2018/DS-ST ngày 13/7/2018 của Tòa án nhân thành phố T, cũng như tại Bản án dân sự phúc thẩm số 53/2019/DS-PT ngày 05/4/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương (bà Nguyễn Thị P là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trọng vụ án) đã tuyên xử: "Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 61/2018/DS-ST ngày 13/7/2018 của Tòa án nhân thành phố T, tỉnh Bình Dương như sau:

6.2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L về việc tranh chấp quyền sử dụng đất đối với những người thừa kế của ông Nguyễn Văn H1

+ Công nhận cho ông L được quyền quản lý sử dụng phần đất có diện tích 1.185.6m², tại khu B, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, đất thuộc thửa số 97, tờ bản đồ số 13, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00993/QSDD/PM do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) Thủ Dầu Một cấp ngày 04/4/2000 cho hộ ông Nguyễn Văn H2, đất có tứ cận: Phía đông giáp phần đất còn lại do bà Nguyễn Thị T5, Nguyễn Hoàng Trung T9, Ông Nguyễn Hoàng Trung T7 và ông Nguyễn Hoàng Trung T8 đang quản lý sử dụng; phía Tây giáp đất của ông Nguyễn Văn Đ1; phía Nam giáp đường Đ; phía Bắc giáp đất ông Nguyễn Hữu N (khu A sơ đồ kèm theo).

Ông Nguyễn Văn L có trách nhiệm liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để được đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất này.

Ông Nguyễn Văn L được quyền sở hữu đối với số tiền bồi thường là 451.218.000 đồng tại Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố T..."

Bản án có hiệu lực pháp luật và không bị kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm. Bà Nguyễn Thị P có đơn khởi kiện ông Nguyễn Văn L và được Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một thụ lý. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 192 của Bộ luật Tố tụng dân sự cần phải trả lại đơn khởi kiện do "sự việc đã được giải quyết bằng bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án". Tuy nhiên, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một đã thụ lý và đang giải quyết, nên căn cứ điểm g khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự "các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 192 của Bộ luật này mà Tòa án đã thụ lý thì ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự. Vì vậy, căn cứ quy định pháp luật tố tụng dân sự nêu trên, ông L đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố Thủ Dầu Một ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự thụ lý số 94/2022/TLST-DS ngày 04/4/2022.

3. Theo văn bản trình bày ý kiến, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị K, ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị B, bà Nguyễn Thị Ngọc Q: Không có yêu cầu độc lập và thống nhất với trình bày của bà Nguyễn Thị P.

4. Tại các bản tự khai ngày 07/4/2023, bà Lâm Thị V, ông Nguyễn Minh T1, ông Nguyễn Thanh T2, bà Lê Thị Thu T3 và bà Phan Thị Ngọc Á: Không có yêu cầu độc lập và cùng thống nhất lời trình bày của ông L.

5. Tại Biên bản xác minh ngày 06/6/2023, đại diện Ủy ban nhân dân phường P có ý kiến như sau:

Phần đất tranh chấp giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị P và bị đơn ông Nguyễn Văn L là phần đất có diện tích 1.185,6m² tại khu B, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Ông L được công nhận theo Bản án dân sự sơ thẩm số 61/2018/DS-PT ngày 13/7/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một và Bản án dân sự phúc thẩm số 53/2019/DS-PT ngày 05/4/2019 của Tòa án nhân

dân tỉnh Bình Dương. Theo Mạnh trích lục địa chính ngày 06/12/2022, diện tích đất tranh chấp đo đạc thực tế là 1.232,6m² và ranh đất theo kết quả đo đạc thực tế; các điểm gãy của diện tích đất cũng không còn nguyên hiện trạng theo bản vẽ của các bản án trước đây. Ngoài ra, ranh giải tỏa đền bù, các mốc giải tỏa cũng không còn. Như vậy, kết quả đo đạc thực tế 1.232,6m² đã tăng 47m² so với phần đất đã được công nhận là 1.185,6m², phần đất đã bị lấn sang ranh đất giải tỏa đền bù với diện tích 1.185,6m² nên phần đất tăng lên 47m² không thuộc quyền sử dụng của ông **L**.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 162/2023/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Nguyễn Thị P** đối với bị đơn ông **Nguyễn Văn L** về việc “Tranh chấp tài sản chung”:

Buộc ông **Nguyễn Văn L** thanh toán cho bà **Nguyễn Thị P** số tiền 14.971.687.520 đồng (mười bốn tỷ chín trăm bảy mươi một triệu sáu trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm hai mươi đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn toàn bộ án phí cho ông **L**, Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương hoàn trả cho bà **Nguyễn Thị P** số tiền 25.944.000 đồng (hai mươi lăm triệu chín trăm bốn mươi bốn nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0001169 ngày 15/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, về quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi có án sơ thẩm, ngày 02/10/2023 bị đơn ông **Nguyễn Văn L** có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 26/02/2024, bị đơn thừa nhận là nguyên đơn cũng đã có căn nhà ở trên phần đất (phạm vi căn nhà và trước sau căn nhà của nguyên đơn) từ trước đến nay, hơn nữa là anh em ruột nên bị đơn đồng ý giao cho nguyên đơn phần đất đo đạc thực tế phạm vi nhà của nguyên đơn (từ **đường Đ** kéo thẳng hết đất) với diện tích 183,7m².

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Cụ thể như sau:

- Ông **Nguyễn Văn L** có trách nhiệm chia cho bà **Nguyễn Thị P** phần đất có diện tích 183,7m² trên đất có căn nhà do bà **Nguyễn Thị P** xây dựng có diện tích 38,6m² thuộc một phần thửa 97, tờ bản đồ số 13, tọa lạc tại **khu B, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương**. Đồng thời, ông **Nguyễn Văn L** có trách nhiệm thực hiện thủ tục và chịu chi phí chuyển mục đích sử dụng đất từ đất trồng cây

lâu năm sang đất ở đô thị với diện tích 60m² trong tổng diện tích 183,7m² đã chia cho bà Nguyễn Thị P trên.

- Ông Nguyễn Văn L được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất còn lại là 1.048,9m², trên đất có căn nhà do ông Nguyễn Văn L xây dựng có diện tích 135,5m² thuộc một phần thửa 97, tờ bản đồ số 13, tọa lạc tại khu B, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu quan điểm: Về thủ tục tố tụng: Kháng cáo của các đương sự là trong thời hạn quy định. Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Do các bên đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, nội dung thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa một phần bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm bà Nguyễn Thị K, ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị B, bà Nguyễn Thị Ngọc Q, bà Lâm Thị V, ông Nguyễn Minh T1, ông Nguyễn Thanh T2, bà Lê Thị Thu T3 và bà Phan Thị Ngọc Á tất cả đều có đơn xin vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các ông bà có tên trên theo quy định tại Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp: Bà P khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung gồm tiền bồi thường giải tỏa 451.218.800 đồng và phần đất đo đạc thực tế có diện tích 1.232,6m² thuộc một phần thửa 97, tờ bản đồ số 13, tọa lạc tại khu B, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương cho bà P và ông L mỗi người hưởng 1/2 tài sản.

[3] Căn cứ vào các lời khai của người làm chứng, lời trình bày của nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất xác định: Bà Nguyễn Thị M (chết năm 1978) và ông Nguyễn Văn P1 (chết năm 1982) có 10 người con gồm: Ông Nguyễn Văn N1, chết năm 1972 không có vợ con, bà Nguyễn Thị K, ông Nguyễn Văn D, ông Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị P, bà Nguyễn Thị B, bà Nguyễn Thị Ngọc Q, ông Nguyễn Văn C (chết lúc nhỏ), ông Nguyễn Văn P2 (chết không có vợ, con).

[3.1] Phần đất hiện nay bà P tranh chấp với ông L cũng chính là phần đất ông L tranh chấp với ông H1 có diện tích 1.424,7m² (đo đạc thực tế 1.232,6m²) thuộc một phần thửa 97, tờ bản đồ số 13, tọa lạc tại khu B, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, được Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) Thủ Dầu Một cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00993QSDĐ/PM, ngày

04/4/2000 cho hộ ông Nguyễn Văn H1 mà Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một xét xử sơ thẩm ngày 13/7/2018 (Bản án dân sự sơ thẩm số 61/2018/DS-ST) và Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm ngày 05/4/2019 (Bản án dân sự phúc thẩm số 53/2019/DS-PT).

[3.2] Bản án sơ thẩm đã nhận định: “Nguồn gốc đất tranh chấp này là của bà Nguyễn Thị M. Bà M được cha mẹ là cụ Nguyễn Văn T4 và cụ Trần Thị Đ cho khi các anh chị em ông L còn nhỏ. Khi bà M và ông P1 còn sống thì ông bà có lập một căn nhà (mái ngói, vách ván, nền gạch, cột gỗ da đá ngang 9m x dài 14m). Các anh chị em của ông L sống cùng bà M và ông P1 trên căn nhà này cho đến khi trưởng thành. Năm 1976, ông L đi nghĩa vụ quân sự. Năm 1978, bà M chết. Ông P1 và các con là Nguyễn Văn D, Nguyễn Thị P, Nguyễn Văn P2, Nguyễn Thị B, Nguyễn Thị Ngọc Q1 và Nguyễn Thị T tiếp tục sinh sống trên căn nhà này. Năm 1982, ông P1 chết. Ông D, ông P2, bà P, bà T, bà B và bà Q1 tiếp tục ở trên căn nhà cho đến năm 1982 ông P2 chết. Bà B, bà T và bà Q1 có chồng nên về bên chồng ở chỉ còn lại bà P và ông D ở trên căn nhà của cha mẹ chết để lại. Cũng năm 1982, ông L hoàn thành nghĩa vụ quân sự trở về địa phương, lấy vợ và sống bên xã Đ, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

[3.3] Đến năm 1995, nhà do cha mẹ xây dựng bị hư hỏng nhưng ông D và bà P không có tiền sửa chữa nên ông L bỏ tiền ra sửa chữa (mái tole + ngói, vách gạch xây tô, nền gạch men) và đưa vợ con vào sinh sống trong ngôi nhà này. Ông D thì về bên vợ sống. Bà P vì ngại sống chung với gia đình ông L nên đã làm 01 căn nhà (tường gạch chưa tô, mái tole, nền gạch tàu) sát vách nhà cha mẹ và sinh sống cho đến nay.

[3.4] Năm 2000, ông Nguyễn Văn H1 là cậu ruột của ông L được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 17.980m², gồm các thửa 129, tờ bản đồ số 13, diện tích 8.187m², tọa lạc tại khu A phường P, T; thửa 257, tờ bản đồ số 14, diện tích 6.258m² (phần đất này ông H1 đã chuyển nhượng cho bà Lương Thị G năm 2002; thửa 97, tờ bản đồ số 13, diện tích 3.204m² (thửa đất này có 01 phần hiện đang tranh chấp).

[3.5] Vào năm 2013, anh của ông H1 là ông Nguyễn Văn Đ1 (tức cậu của ông L) tranh chấp yêu cầu chia thừa kế gồm: Một phần thửa đất số 129 tờ bản đồ số 13; thửa đất 97, tờ bản đồ số 13 (có phần ông L và bà P đang quản lý, sử dụng). Do vụ án tranh chấp thừa kế có liên quan đến phần đất ông L đang quản lý sử dụng nên ông L khởi kiện yêu cầu độc lập: Buộc những người thừa kế hợp pháp của ông H1 trả lại cho ông Nguyễn Văn L phần đất có diện tích 1.220,1m² thuộc thửa 97, tờ bản đồ số 13 tọa lạc tại khu B, phường P và số tiền 451.218.800 đồng bồi thường diện tích đất 188,4m² đã bị quy hoạch mở rộng đường Đ. Đối với căn nhà của bà P xây dựng trên đất tranh chấp, ông L sẽ tự giải quyết sau với bà P.

[3.6] Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 61/2018/DS-ST ngày 13/7/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một đã quyết định: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L về việc tranh chấp quyền sử dụng đất; công nhận cho ông Nguyễn Văn L được quyền quản lý, sử dụng phần đất có diện tích

1.185,6m² tại khu B, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, đất thuộc thửa 97, tờ bản đồ số 13, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00993...QSDĐ/PM do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) Thủ Dầu Một cấp ngày 04/4/2000 cho hộ ông Nguyễn Văn H1.

[3.7] Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 26/7/2018, bị đơn và những người thừa kế hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo. Tuy nhiên phần yêu cầu độc lập của ông L tại Bản án phúc thẩm số 53/2019/DS-PT ngày 05/4/2019 đã quyết định: Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 61/2018/DS-ST ngày 13/7/2018 đối với phần quyết định trên. Hiện tại Bản án dân sự phúc thẩm số 53/2019/DS-PT ngày 05/4/2019 đã có hiệu lực thi hành.

[4] Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 26/02/2024, bị đơn thừa nhận là nguyên đơn cũng đã có căn nhà ở trên phần đất (phạm vi căn nhà và trước sau căn nhà của nguyên đơn) từ trước đến nay, hơn nữa là anh em ruột nên bị đơn đồng ý giao cho nguyên đơn phần đất đo đạc thực tế phạm vi nhà của nguyên đơn (từ đường Đ kéo thẳng hết đất) với diện tích 183,7m².

[5] Nhận thấy: Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Cụ thể như sau:

- Ông Nguyễn Văn L có trách nhiệm chia cho bà Nguyễn Thị P phần đất có diện tích 183,7m² trên đất có căn nhà do bà Nguyễn Thị P xây dựng có diện tích 38,6m² thuộc một phần thửa 97, tờ bản đồ số 13, tọa lạc tại khu B, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Đồng thời, ông Nguyễn Văn L có trách nhiệm thực hiện thủ tục và chịu chi phí chuyển mục đích sử dụng đất từ đất trồng cây lâu năm sang đất ở đô thị với diện tích 60m² trong tổng diện tích 183,7m² đã chia cho bà Nguyễn Thị P trên.

- Ông Nguyễn Văn L được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất còn lại là 1.048,9m², trên đất có căn nhà do ông Nguyễn Văn L xây dựng có diện tích 135,5m² thuộc một phần thửa 97, tờ bản đồ số 13, tọa lạc tại khu B, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Xét thấy, sự thỏa thuận giữa các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm theo hướng công nhận sự thỏa thuận trên của các đương sự và sửa lại phần án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Từ những phân tích trên, kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn L là có căn cứ chấp nhận.

[6] Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do nguyên đơn và bị đơn đều là người cao tuổi nên được miễn án phí.

[8] Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

[9] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do bị đơn là người cao tuổi nên được miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 148, Điều 300, khoản 2 Điều 308 và Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 9, Điều 3, Điều 100, Điều 101 của Luật Đất đai năm 2013; Điều 209 và Điều 219 Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông **Nguyễn Văn L.**

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 162/2023/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương như sau:

1.1. Công nhận sự thỏa thuận của nguyên đơn bà **Nguyễn Thị P** đối với bị đơn ông **Nguyễn Văn L** về việc “Tranh chấp tài sản chung”, cụ thể như sau:

- Ông **Nguyễn Văn L** có trách nhiệm chia cho bà **Nguyễn Thị P** phần đất có diện tích 183,7m² trên đất có căn nhà do bà **Nguyễn Thị P** xây dựng có diện tích 38,6m². Đồng thời, ông **Nguyễn Văn L** có trách nhiệm thực hiện thủ tục và chịu chi phí chuyển mục đích sử dụng đất từ đất trồng cây lâu năm sang đất ở đô thị với diện tích 60m² trong tổng diện tích 183,7m² đã chia cho bà **Nguyễn Thị P** trên (có ký hiệu A trên sơ đồ bản vẽ kèm theo), (thuộc một phần diện tích 1.185,6m²; đo đạc thực tế có diện tích 1.232,6m² thuộc thửa 97, tờ bản đồ số 13, tọa lạc tại **khu B, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương**, đã được giải quyết tại Bản án dân sự sơ thẩm số 61/2018/DS-ST của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một và Bản án dân sự phúc thẩm số 53/2019/DS-PT ngày 05/4/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương).

- Ông **Nguyễn Văn L** được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất còn lại là 1.048,9m², trên đất có căn nhà do ông **Nguyễn Văn L** xây dựng có diện tích 135,5m² (có ký hiệu B trên sơ đồ bản vẽ kèm theo) (thuộc một phần diện tích 1.185,6m²; đo đạc thực tế có diện tích 1.232,6m², thuộc thửa 97, tờ bản đồ số 13, tọa lạc tại **khu B, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương**, đã được giải quyết tại Bản án dân sự sơ thẩm số 61/2018/DS-ST của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một và Bản án dân sự phúc thẩm số 53/2019/DS-PT ngày 05/4/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương).

Các đương sự có quyền và nghĩa vụ tự liên hệ cơ quan có thẩm quyền để lập thủ tục đăng ký kê khai xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

1.2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị P và ông Nguyễn Văn L được miễn án phí.
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương hoàn trả cho bà Nguyễn Thị P số tiền 25.944.000 đồng (hai mươi lăm triệu chín trăm bốn mươi bốn nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0001169 ngày 15/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

1.3. Về chi phí tố tụng:

- Tổng chi phí đo đạc, định giá tại cấp sơ thẩm là 5.500.000 đồng (năm triệu năm trăm nghìn đồng), bà Nguyễn Thị P tự nguyện chịu, được trừ vào tiền tạm ứng đã nộp tại Tòa án cấp sơ thẩm.

- Chi phí định giá tại cấp phúc thẩm: Tổng cộng số tiền là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) ông Nguyễn Văn L tự nguyện chịu, được trừ vào tiền tạm ứng đã nộp tại Tòa án cấp phúc thẩm.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Nguyễn Văn L được miễn án phí.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Dầu Một;
- TAND thành phố Thủ Dầu Một;
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, HSVA, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Thanh Tuyên